

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HN-ST

Ngày: 17/5/2022

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Vân

2. Ông Ngô Minh Thi

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-HN ngày 04 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Thái Thị Mỹ D**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ.

- Bị đơn: ông **Trần Anh K**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 11/02/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Thái Thị Mỹ D** trình bày: Giữa bà và ông **Trần Anh K** tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới Long, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, ông K có người phụ nữ khác. Bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn hạnh phúc nên hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau. Bà không còn tình cảm với ông Trần Anh K nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh K.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà và ông Trần Anh K có 01 con chung tên Trần Anh P, sinh ngày 14/7/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trần Anh K*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với ông Trần Anh K, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh P, sinh ngày 14/7/2012, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Bị đơn ông Trần Anh K vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh K. Giữa bà Thái Thị Mỹ D và ông Trần Anh K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Thới Long, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Bà D và ông Trần Anh K chung sống với nhau không hạnh phúc, bà Thái Thị Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Anh K nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Trần Anh K tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung vụ án:*

- *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bà D trình bày sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông Trần Anh K chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do ông Trần Anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Sau đó bà và ông Trần Anh K đã ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17; Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” nhưng theo lời trình bày của bà D thì từ khi vợ chồng không sống chung tới nay, ông Trần Anh K không đến thăm hỏi, chăm sóc cho bà và con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Anh K nhằm hòa giải, tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Trần Anh K vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện ông không thật sự muốn hàn gắn tình cảm với bà D.

Xét trên thực tế bà D và ông Trần Anh K đã sống ly thân, từ lâu không còn sự quan tâm, thăm hỏi với nhau, cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặt nhau, muốn sống ra sao thì sống. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà D và ông Trần Anh K đã rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc cho bà D và ông Trần Anh K. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ D.

- *Về con chung:* Bà D trình bày giữa bà với ông Trần Anh K chung sống có 01 con chung tên Trần Anh P, sinh ngày 14/7/2012, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà trình bày sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà mang con về cùng sinh sống với bà, việc chăm sóc con là do bà thực hiện, việc đưa đón cháu đi học là do bà thực hiện nên bà D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Trần Anh K cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Qua lời trình bày của bà D thấy rằng hiện con chung hiện đang sinh sống cùng bà, việc sinh hoạt và học tập của cháu Phúc là do chính bà D thực hiện và cháu Phúc cũng có nguyện vọng sống vùng bà D. Bên cạnh, ông Trần Anh K

không đến tham gia phiên tòa nên không có ý kiến thừa nhận hay phản đối với lời trình bày của bà D nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà D. Nhận thấy, việc giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được cho các cháu về việc phát triển thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà D.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông Trần Anh K) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Do bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

* *Về án phí:* Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thái Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trần Anh K.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Anh P, sinh ngày 14/7/2012 cho bà Thái Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Ông Trần Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bà Thái Thị Mỹ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Thái Thị Mỹ D cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Thái Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003213 ngày 25/02/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô MÔN;
- Chi cục THADS Q. Ô MÔN;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Thái